

MỘC TẠC

Tính vị, quy kinh

Vị chua, tính ấm. Vào các kinh tý, vị, can, phế.

Công năng, chủ trị

Điều hòa tý vị, thu liễm, trừ thấp nhiệt, bình can, thư cân (giãn gân cốt). Chủ trị: Tý vị kém ăn không tiêu, đầy hơi chướng bụng, tê thấp đau các khớp, cứng cơ co rút, lưng gối đau tê mỏi, chuột rút 2 bắp chân và bàn chân. Tý hư đại tiện lỏng, cước khí (co giật).

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 6 g đến 12 g, dạng thuốc sắc. Tán bột làm viên hoàn theo yêu cầu của bài thuốc.

Kiêng kỵ

Đại tiện bí, tràng vị tích nhiệt táo bón không được dùng.

MỘC TẠC

Equiseti debilis Herba

Cỏ thấp bút

Phần trên mặt đất được làm khô của cây Mộc tặc (*Equisetum debile* Roxb.), họ Mộc tặc (*Equisetaceae*). Thu hoạch vào mùa hạ và mùa thu, cắt lấy phần trên mặt đất, loại bỏ tạp chất, phơi âm can đến khô.

Mô tả

Nhiều đoạn thân và cành hình ống dài 7 cm đến 15 cm, có khi tới 30 cm, đường kính 1 mm đến 2 mm, màu nâu sẫm. Cành màu lục nhạt, hơi vàng hay xám tro, có nhiều rãnh dọc song song, có nhiều đốt. Mỗi mấu mang một vòng lá nhỏ, hình sợi màu nâu, dẹt ở gốc và dính liền nhau thành một bẹ màu lục nhạt, có rãnh cửa nâu ôm lấy cành. Ở mỗi mấu có nhiều nhánh con mọc vòng, màu nâu. Chất giòn, dễ bẻ gãy. Mặt ngoài cành sờ ráp tay do biểu bì có chất silic. Bề đôi cành thấy giống rỗng, mấu gần đặc.

Ghi chú: Thân và cành có đường dọc thẳng, rỗng, có từng đốt màu xanh nâu, to, giống hình thấp bút, khô, dày, sạch gốc rễ, không giáp nát là loại tốt.

Vị phẫu

Biểu bì có một lớp tế bào xếp đều đặn, tầng cutin dày. Vòng mô dày liên tục sát biểu bì, phát triển nhiều ở những chỗ lồi, tế bào thành dày đều. Mô mềm vỏ chia làm 2 phần: Phần ngoài gồm các tế bào hình nhiều cạnh, hơi kéo dài theo hướng xuyên tâm, thành mỏng, chứa nhiều lục lạp; phần trong có các bó libe-gỗ xếp theo một vòng xen kẽ với các mô khuyết. Mỗi bó libe-gỗ gồm: Vòng nội bì, libe xếp giữa 2 dãy mạch gỗ, một khuyết nhỏ sát bên trong bó libe. Khuyết trung tâm rộng, chiếm khoảng 2/3 thiết diện vi phẫu.

Bột

Màu lục nhạt, vị hơi ngọt, hơi đắng chát. Soi kính hiển vi thấy: Mảnh biểu bì ở phần gốc thân màu da cam, tế bào hình chữ nhật dài, thành lượn sóng đều đặn. Mảnh quản

DUỐC ĐIỂN VIỆT NAM VI

bào hình thang. Mảnh mô dày gồm những tế bào hình chữ nhật thành dày khi nhìn trên bề mặt hoặc hình gần tròn khi nhìn ở mặt bên. Mảnh biểu bì ở phần giữa thân màu lục nhạt, tế bào hình chữ nhật ngắn hoặc gần vuông. Mảnh biểu bì thân với các lỗ khí đặc biệt. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm, bột Mộc tặc phát quang lấp lánh vàng.

Định tính

A. Lấy 1 g bột dược liệu, thêm 15 ml *ethanol* 70 % (TT), đun nhẹ trên cách thủy trong 5 min, thỉnh thoảng lắc, lọc, cô dịch lọc còn khoảng 2 ml rồi cho vào ống nghiệm, thêm 10 ml *nước*, lắc mạnh trong 1 min (30 lần lắc), xuất hiện bọt bền trong 30 min.

B. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi khai triển: *Cyclohexan - ethyl acetat - acid formic* (8 : 4 : 0,4).

Dung dịch thử: Lấy 1 g bột dược liệu, thêm 25 ml *methanol* 75 % (TT) và 1 ml *acid hydrochloric* (TT), đun hồi lưu trong 1 h, lọc, cô dịch lọc trên cách thủy đến cạn. Hòa tan cặn trong 10 ml *nước*, chiết 2 lần với *ethyl acetat* (TT), mỗi lần 10 ml, cô dịch chiết *ethyl acetat* đến cạn. Hòa tan cặn trong 1 ml *methanol* (TT) để dùng làm dung dịch thử.

Dung dịch chất đối chiếu: Hòa tan kaempferol chuẩn trong *methanol* (TT) để được dung dịch có nồng độ 1 mg/ml.

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Nếu không có kaempferol, lấy 1 g bột Mộc tặc (mẫu chuẩn), chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 5 µl mỗi dung dịch thử, dung dịch dược liệu đối chiếu và 2 µl dung dịch chất đối chiếu. Sau khi triển khai xong, lấy bản mỏng ra để khô trong không khí rồi phun *dung dịch nhôm clorid* 5 % trong *ethanol* (TT). Quan sát ngay dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có vết phát quang tương đương về vị trí và cùng màu với vết kaempferol trên sắc ký đồ của dung dịch chất đối chiếu hoặc trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết phát quang tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 12,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 4 h).

Tạp chất

Không quá 1,0 % (Phụ lục 12.11).

Chất chiết được trong dược liệu

Không được dưới 4,0 %, tính theo dược liệu khô kiệt.

Tiến hành theo phương pháp chiết nóng (Phụ lục 12.10).

Dùng *ethanol* 96 % (TT) làm dung môi.

Chế biến

Mộc tặc thái khúc: Rửa sạch dược liệu khô, thái khúc dài 2 cm, phơi trong bóng râm cho khô, dùng sống.

Mộc tặc tẩm rượu sao: Cứ 1 kg dược liệu dùng 300 ml

DƯỢC ĐIỂN VIỆT NAM VI

MỘT DƯỢC (Gôm nhựa)

rượu trắng 40°, tẩm đều vào dược liệu đã thái khúc, ủ 2 h, sao có mùi thơm là đạt yêu cầu.

Bảo quản

Dược liệu chưa chế biến: Để nơi khô ráo, trong đồ đựng kín, tránh ẩm mốc.

Dược liệu đã chế biến: Để trong đồ đựng kín, tránh ẩm mốc, nên dùng trong 3 tháng sau khi chế biến.

Tính vị, quy kinh

Vị ngọt, hơi đắng, tính bình. Vào các kinh can, đờm, phế.

Công năng, chủ trị

Tán phong nhiệt, tiêu màng mắt. Chủ trị: Dùng sống trị chứng đau mắt có màng, mông, tiêu tích báng, ich bồ can đờm. Tẩm rượu sao trị chứng rong kinh, băng huyết.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 4 g đến 8 g, dạng thuốc sắc.

Kiêng kỵ

Người âm hư hỏa vượng không phải chứng phong nhiệt thì không dùng.

MỘT DƯỢC (Gôm nhựa)

Myrrha

Chất gôm nhựa của cây Một dược [*Commiphora myrrha* (Nees) Engl.] và cây *Balsamodendron chrenbergianum* Berg., họ Trám (Burseraceae). Thu hoạch từ tháng 7 đến 9 là tốt nhất, khi đó lượng Một dược nhiều, chất lượng tốt. Năm sau, từ tháng 1 đến 3 lại có thể thu hoạch được. Nhựa cây được chảy ra từ vết nứt tự nhiên của cây Một dược. Để thu hoạch được nhiều, người ta có thể khía sâu vào vỏ thân và cành to. Nhựa mới chảy ra thành giọt sền sệt như dầu đặc, màu trắng hoặc vàng nhạt, dần dần biến thành khối cục cứng trong không khí, có màu vàng sẫm, nâu vàng hoặc có khi đỏ nhạt, cuối cùng là màu đỏ sẫm. Thu lấy nhựa, loại bỏ tạp chất.

Mô tả

Một dược thiên nhiên: Có dạng khối, cục, hạt không đều, cục lớn dài 6 cm. Mặt ngoài màu nâu vàng hoặc nâu đỏ, có khi trong mờ. Một số khối có màu đen nâu, nhiều dầu, được phủ bụi phấn màu nâu vàng đất. Chất cứng, giòn. Mặt bị vỡ không phẳng. Có mùi thơm đặc biệt. Vị đắng hơi cay.

Ghi chú: Loại có màu nâu vàng, mặt vỡ hơi trong, tinh dầu nhuận, hương thơm nồng, vị đắng, không có tạp là tốt.

Bột

Bột có màu nâu đỏ hoặc màu vàng nâu. Lên tiêu bản bột bằng *dung dịch cloral hydrat* (TT), soi kính hiển vi thấy: mảnh bản màu nâu đỏ; các tế bào đá hình đa giác hoặc thuôn dài nằm đơn lẻ hoặc thành đám, thành dày một bên, hóa gỗ và có nhiều lỗ nhỏ (rỗ), bên trong có chứa chất màu nâu; mảnh mô mềm thành mỏng và các sợi mô cứng; tinh

thể calci oxalat hình đa giác hoặc lăng trụ không đều, kích thước khoảng 10 - 25 μ m.

Định tính

A. Lấy vài hạt nhỏ, cho thêm *dung dịch vanilin trong acid hydrochloric* (TT), lắc đều, sẽ có màu đỏ thẫm.

B. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel 60F₂₅₄.

Dung môi khai triển: Cyclohexan - di-isopropyl ether - acid acetic băng (60 : 40 : 10).

Dung dịch thử: Lấy 0,2 g bột, thêm 4 ml *ethanol 96 %* (TT), lắc siêu âm trong 10 min, lọc. Dịch lọc dùng để chấm sắc ký.

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Lấy 0,2 g Một dược (mẫu chuẩn), tiến hành chiết như mô tả ở phần *Dung dịch thử*.

Dung dịch phân giải: Hòa tan 10 mg *thymol* (TT) và 40 μ l *anethol* (TT) trong 10 ml *ethanol 96 %* (TT).

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 5 μ l mỗi *dung dịch* trên thành các vạch dài khoảng 8 mm. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra, để khô ngoài không khí. Phun *dung dịch anisaldehyd* (TT), sấy bản mỏng ở 100 °C đến khi hiện rõ vết. Quan sát bản mỏng dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của *dung dịch phân giải* phải có 2 vết tách nhau hoàn toàn trong đó có một vết màu vàng cam của *thymol* và một vết màu tím của *anethol* nằm ngay phía trên vết *thymol*. Trên sắc ký đồ của *dung dịch thử* phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của *dung dịch dược liệu đối chiếu*.

Độ ẩm

Không quá 15,0 % (Phụ lục 9.6, 1,000 g, 105 °C, 2 h).

Tạp chất

Vỏ cây còn sót lại không quá 2,0 % (Phụ lục 12.11).

Tro toàn phần

Không quá 15,0 % (Phụ lục 9.8).

Tro không tan trong acid

Không quá 10,0 % (Phụ lục 9.7).

Cẩn không tan trong ethanol

Không quá 75 %.

Cẩn chính xác khoảng 1,00 g bột dược liệu đã qua rây 250 vào trong bình nón. Thêm 30 ml *ethanol 96 %* (TT) và lắc mạnh trong 10 min. Để lắng, gạn dịch chiết và lọc qua giấy lọc đã được sấy ở 100 - 105 °C đến khối lượng không đổi. Cẩn ở trong bình nón được chiết như trên 2 lần nữa, mỗi lần 20 ml *ethanol 96 %* (TT). Dùng *ethanol 96 %* (TT) chuyển toàn bộ cẩn trong bình nón vào giấy lọc trên. Sấy cẩn và giấy lọc ở 100 - 105 °C đến khối lượng không đổi. Tính phần trăm lượng cẩn không tan theo dược liệu nguyên trạng.

Chế biến

Bột Một dược: Lấy Một dược sạch, giã vụn, sao qua với Đẳng tâm thảo, tán bột mịn. Cứ 40 g Một dược dùng 1 g Đẳng tâm thảo.